

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-PT

Ngày: 02-3-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Bùi Quang Sơn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài– Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/HSPT ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Văn T do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại Bùi Đông Thành đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Văn L. Tên gọi khác: G. Sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn G và bà Ngô Thị T; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Xấu; bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2017 cho đến nay; có mặt.

2. Võ Văn T. Tên gọi khác: X. Sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Trần Kim L và 01 người con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2017 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn T: Ông Võ Tấn T1 – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: Anh Bùi Đông T2, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại: Ông Trương Văn T3 – Luật sư văn phòng luật sư Trương Văn T3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre;

- *Những người có liên quan đến kháng cáo:*

Nguyễn Văn Thành E, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Huỳnh Anh Q, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Phạm Tấn P, sinh năm 1999; nơi cư trú: Ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 31/12/2016, Huỳnh Văn L và Bùi Đông T2 đến quán M, toạc lạc tại ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre, uống bia và hát karaoke. Trong lúc uống bia, T2 yêu cầu tiếp viên phục vụ nhưng không thấy tiếp viên, T2 có lời nói lớn tiếng và hành động đập phá quán (T2 làm bể 01 chân đỡ màn hình tivi và làm bể 01 cái ly). L thấy T2 hành động như vậy nên đánh vào mặt T2 và nói T2 không được quậy, sau khi bị L đánh, T2 bỏ đi. L điện thoại cho Võ Văn T (là bạn L) mang tiền đến cho L để bồi thường thiệt hại cho chủ quán M do T2 đập phá làm thiệt hại tài sản của quán. Khoảng 10 phút sau, T2 quay lại quán M có đem 01 con dao có lưỡi bằng kim loại gấp L, T2 đòi chém L. Vừa lúc này, T cũng vừa chạy xe mang tiền tới cho L, L nói T về lấy con dao có hình dạng mã tấu của L đã gửi cho T giữ gìn trước đó để mang đến chém T2. T chạy đi lấy cây mã tấu theo yêu cầu của L. L kêu T2 qua bên kia đường đánh nhau. Khi L và T2 đến vòng xoay thị trấn, T2 cầm dao xông vào đánh nhau với L, lúc này T cũng vừa mang cây mã tấu đến cho L, L lấy cây mã tấu từ T xông vào chém trúng đầu và tay trái T2 gây thương tích. T2 bỏ chạy và được đưa đi chữa trị thương tích tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu. L đưa cây mã tấu cho T và lên xe T chở về.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 71-317/TgT ngày 17/3/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre, Bùi Đông T2 bị thương tích như sau:

- Vết thương chéo mặt trước cổ tay trái dài 10cm x 15cm sắc gọn, đứt gân gấp ngón 2, 3, 4, 5 gân gấp cổ tay trụ, gân gấp gan tay dài.

+ Đứt động mạch trụ, thần kinh trụ, thần kinh giữa.

+ Hiện: Vết thương lành, sẹo kích thước 10cm x 0,2cm, co rút các ngón 2, 3, 4, 5 bàn tay không gấp duỗi được, tê bàn tay, mất cảm giác các ngón.

- Vết thương trán phải phức tạp, dài 08cm nứt sọ, nham nhở kèm mảnh sọ nhỏ

rời.

+ Hiện: Vết thương lành, sẹo kích thước 08cm x 0,2cm.

Xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể: 41%.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 2626/C54B, ngày 29/8/2017, của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Đối chiếu với bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích, ban hành kèm theo thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ y tế, xác định tỷ lệ thương tật của Bùi Đông T2:

- 01 sẹo vết thương phần mềm vùng trán phải gây nứt sọ, ảnh hưởng rõ đến thẩm mỹ và chức năng sọ não: 11%.

- Nứt vỡ vòm sọ vùng trán đỉnh phải; 16%.

- Sẹo vết thương phần mềm mặt trong cổ tay trái, gây ảnh hưởng đến chức năng bàn tay: 08%.

- Đứt gân duỗi bàn tay, gây co quắp không duỗi thẳng được các ngón II, III, IV, V tay trái: 06%.

- Tổn thương nhánh dây thần kinh trụ đoạn ngang qua vết thương: 11%.

- Tổn thương nhánh dây thần kinh giữa đoạn ngang qua vết thương: 11%.

Áp dụng phương pháp cộng lùi và làm tròn, xác định tại thời điểm giám định, ông Bùi Đông T2 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 49%.

Tang vật thu giữ:

- 01 con dao dài 59cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 45cm, nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 04cm, sống dao có một đoạn dài 09cm hình răng cưa có khoan lỗ tròn; cán dao bằng kim loại dài 14cm, bên ngoài được quấn lại bằng dây vải, đuôi dao có hình dạng tam giác có khoan lỗ tròn (con dao này L sử dụng để chém T2).

- 01 con dao dài 48cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 31,5cm, nơi rộng nhất 03cm, nơi hẹp nhất là 02cm; cán dao bằng kim loại được quấn bằng dây vải màu đen dài 16,5cm; nơi tiếp giáp giữa lưỡi dao và cán dao có một khoen tròn bên trong có chạm hình rồng (con dao này T2 đem tới đánh nhau với L).

- 01 vỏ bọc hung khí bằng gỗ màu đen dài 34cm, rộng 04cm, có hình dạng cong, phía bên trái có một lỗ tròn được xỏ vào và quấn vòng qua vỏ bọc bởi sợi dây vải màu đen (vỏ đựng con dao của T2).

- 01 cái mũ bằng vải màu đen (mũ lưỡi trai), vành mũ bị rách đôi ở giữa,

- 01 cây gậy 03 khúc bằng kim loại màu trắng dạng tròn, chiều dài khi rút ra là 65cm, khi thu vào là 23cm, đường kính nơi rộng nhất là 02cm, nơi hẹp nhất 01cm, tay cầm được bọc bằng lớp nhựa màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, Bùi Đông T2

có ý trình bày khi nào T2 chữa trị xong thương tích, thì Huỳnh Văn L và Võ Văn T liên đới bồi thường thiệt hại cho T2 trong vụ án dân sự khác. Hiện Huỳnh Văn L đã tự nguyện bồi thường trước cho T2 20.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Huỳnh Văn L, Võ Văn T đã tự nguyện khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của L, T là phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HS-ST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn L và Võ Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1 Điều 104); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 18/5/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 104 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1 Điều 104); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 05 (Năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 02/6/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, **cùng** ngày 19/12/2017 các bị cáo Huỳnh Văn L và Võ Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù. Ngày 19/12/2017 bị hại Bùi Đông T2 kháng cáo yêu cầu hủy bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HS-ST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm **đối với T2 Em, T4, Q và P vì có vai trò giúp sức cho L.**

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm, bị cáo L thừa nhận tổn thương cơ thể của bị hại 49% là do bị cáo gây ra, lại cho rằng bị cáo chém bị hại một nhát không có chém vào tay của bị hại, nhưng thừa nhận lúc chém thì bị hại dùng tay đỡ và yêu cầu xem xét tình tiết này. Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Kiểm sát viên cho rằng kháng cáo của các bị cáo và người bị hại làm trong hạn luật định, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên đã tuyên phạt bị cáo Huỳnh Văn L 06 năm tù, bị cáo Võ Văn T 05 năm tù, xét thấy tương xứng. Người bị hại kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, tuy nhiên qua lời khai của những người có liên quan đến kháng cáo cùng với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy cơ quan điều tra đã làm rõ vai trò của Thành E, Thanh T4, Q và Tấn P, không có căn cứ xác định những người này có tham gia đánh nhau gây thương tích cho bị hại, không có

cơ sở hủy bản án sơ thẩm. Do vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị hại và của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 06 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 104; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 05 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn T cho rằng: Đồng tình với lập luận của bản án sơ thẩm T giúp sức cho L gây thương tích T2 49%. Do trong vụ án bị hại có lỗi, có hành vi trái pháp luật làm T bị kích động về mặt tình thần, cấp sơ thẩm đưa ra tình tiết bị hại có một phần lỗi mà không đưa hành vi trái pháp luật của bị hại để xem xét tinh thần bị kích động mạnh của bị cáo T. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm hình phạt tù cho bị cáo T còn 02 năm tù.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng theo kháng cáo của bị hại yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bỏ lọt 04 người, trong đó Thanh T4 đập và ôm bị hại để L chém bị hại, việc can ngăn của Thanh T4 là có sự phối hợp với nhau, chưa được làm rõ hành vi của Thanh T4. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/12/2016 tại ấp x, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre, do có mâu thuẫn trong lúc uống bia, Võ Văn T đã giúp sức đưa hung khí (dao) cho Huỳnh Văn L để L trực tiếp dùng dao bằng kim loại, chém Bùi Đông T2 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể của T2 là 49%.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa cho bị cáo T cho rằng bị cáo T phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân, thấy rằng việc mâu thuẫn xuất phát từ L và T2, không phải mâu thuẫn từ T và T2, bị cáo T không mâu thuẫn gì với bị hại, nhưng khi nghe L kêu về lấy dao thì T tự nguyện về lấy hung khí cung cấp cho L, giữa L và T đánh nhau có thách thức, nên hậu quả xảy ra đến đâu thì người gây ra hậu quả phải chịu trách nhiệm đến đó. Bị cáo

T là người giúp sức cho L nên cùng phải chịu trách nhiệm về hậu quả do L gây ra. Do vậy, bị cáo T phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo L cho rằng không gây thương tích ở tay của T2, nhưng thừa nhận bị cáo chém T2 thì T2 dùng tay đỡ, phù hợp vớ lời khai của bị cáo L tại các bản khai BL 256, 263, 275 là bị cáo chém vào đầu và tay của bị hại, phù hợp với lời khai của bị hại là bị L chém vào đầu và tay trái, phù hợp với lời khai của người làm chứng tại BL 135 (thấy L chém vào tay của T2). Mặc khác bị cáo L khi nhận kết luận điều tra và bản cáo trạng bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về thương tích ở tay của bị hại và ở các bản lời khai của bị cáo là đồng ý với giám định tổn thương cơ thể của bị hại là 49% và phù hợp với lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm (BL 461). Do vậy, bị cáo L cho rằng không gây thương tích ở tay của bị hại không có cơ sở chấp nhận.

Với ý thức, hành vi của các bị cáo và tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại mà các bị cáo đã gây ra Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có cơ sở phù hợp luật định.

[2] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Thành E, T4, Q và P vì có vai trò giúp sức cho L, thấy rằng trong quá trình điều tra khi có Kết luận điều tra thì bị hại Bùi Đông T2 đã có đơn khiếu nại Bản kết luận điều tra cho rằng bỏ lọt người phạm tội đối với Thành E, T4, Q và P và đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm ban hành quyết định số 01 ngày 13/10/2017 với quyết định bác khiếu nại của Bùi Đông T2, giữ nguyên kết luận điều tra vì cho rằng Nguyễn Văn Thành E, Nguyễn Thanh T4 vào can ngăn không đồng phạm với Huỳnh Văn L. Phạm Tấn P và Huỳnh Anh Q là người chứng kiến chỉ với tư cách là người làm chứng. Nhưng bị hại không có khiếu nại tiếp theo, đến khi có Cáo trạng thì cáo trạng truy tố đối với Huỳnh Văn L và Võ Văn T bị hại vẫn không khiếu nại và tại phiên tòa sơ thẩm ở phần tranh luận (BL 466) bị hại và người bảo vệ quyền lợi của bị hại đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên và yêu cầu xét xử các bị cáo đúng quy định của pháp luật. Mặt khác theo quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật hình sự năm 2015 về giới hạn của việc xét xử nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Thành T4 thừa nhận có vào đập T2 mục đích là để can ngăn không cho đánh nhau; Phạm Tấn P vắng mặt nhưng có lời khai đứng ngoài xem không có tham gia đánh nhau; Nguyễn Văn Thành Evắng mặt có lời khai khi thấy đánh nhau thì xông vào can ngăn thì T2 bỏ chạy vào quán; bị cáo L khai không rủ rê, lôi kéo T4, Thành E, Q và P tham gia đánh nhau với T2. Thành E, T4 chỉ vào can ngăn, không giúp sức gì cho L để L gây thương tích T2, phù hợp với Quyết định giải quyết khiếu nại của Công an huyện Giồng Trôm. Kháng cáo của bị hại có nội dung giống như khiếu nại của bị hại đối với Bản kết luận điều tra, không có cơ sở xác định Thành E, T4, Q và P đồng phạm với L. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp. Do vậy, không có cơ sở để hủy bản sơ thẩm theo như kháng cáo của bị hại.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo L, T thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: đối với bị cáo L, đại diện gia đình đã bồi thường thay cho bị cáo một phần tiền để bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo; cha ruột bị cáo là thương binh, bị cáo phạm tội một phần cũng do lỗi của bị hại; cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp. Đối với bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, có ông ngoại là liệt sĩ, gia đình bị cáo rất khó khăn, cha bị cáo bị mù, mẹ bị bệnh đau khớp, vợ bị cáo không có nghề nghiệp lại phải nuôi con nhỏ, bị cáo phạm tội cũng do một phần lỗi của người bị hại. Đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết **giảm nhẹ** mới có ý nghĩa để xem xét giảm nhẹ hình phạt **tù** cho các bị cáo. Xét thấy trước khi phạm tội bị cáo L có nhân thân xấu (đã từng bị Tòa án xét xử và bị xử phạt hành chính), đối với bị cáo T giúp sức cho bị cáo L dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại 49% là cao. Mức hình phạt **tù** mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với **các** bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo gây ra. Xét thấy các quyết định tố tụng và Bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Do vậy, **không chấp nhận kháng cáo của bị hại và kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.**

[4] Về án phí: Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. (Đối với bị cáo Võ Văn T có giấy chứng nhận hộ nghèo của năm 2016, không có giấy chứng nhận hộ nghèo của năm 2017 và 2018 nên không có cơ sở để miễn án phí phúc thẩm đối với bị cáo T).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị hại và kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 43/2017/HSST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2017.

Áp dụng khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 05 (Năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2017.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an huyện Giồng Trôm (1b);
- Nhà tạm giữ Công an Giồng Trôm, 2 bị cáo (4b);
- TAND huyện Giồng Trôm (6b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (2b);
- UBND thị trấn G, h G (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng
- TAND tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Tỉnh